

A. NỘI DUNG BÀI GIẢNG

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, ông cha ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược lớn hơn nhiều lần về quân sự, kinh tế. Song, với lòng yêu nước, ý chí kiên cường, với cách đánh mưu trí, sáng tạo, cha ông ta đã đánh thắng tất cả kẻ thù xâm lược, viết nên những trang sử hào hùng của dân tộc như chiến thắng Bạch Đằng, Như Nguyệt, Chương Dương, Hàm Tử... Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tinh thần yêu nước và cách đánh của quân dân ta lại được phát huy lên một tầm cao mới và đã đánh thắng hai kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh hơn ta nhiều lần là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Từ trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm của dân tộc, đã hình thành nên nghệ thuật quân sự Việt Nam, đó là nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nghệ thuật quân sự Việt Nam không ngừng phát triển, góp phần thiết thực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

I. TRUYỀN THỐNG VÀ NGHỆ THUẬT ĐÁNH GIẶC CỦA TỔ TIÊN

1. Đất nước trong buổi đầu lịch sử

Cách đây mấy nghìn năm, từ khi các Vua Hùng mở nước Văn Lang, lịch sử dân tộc Việt Nam bắt đầu thời đại dựng nước và giữ nước. Do yêu cầu tự vệ trong chống giặc ngoại xâm và yêu cầu thuỷ lợi của nền kinh tế nông nghiệp đã tác động mạnh mẽ đến sự hình thành của nhà nước trong buổi đầu lịch sử. Nhà nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên của nước ta, có lãnh thổ khá rộng và vị trí địa lý quan trọng, bao gồm vùng Bắc Bộ và bắc Trung Bộ ngày nay, nằm trên đầu mối những đường giao thông qua bán đảo Đông Dương và vùng Đông Nam Á.

Nền văn minh sông Hồng còn gọi là văn minh Văn Lang, mà đỉnh cao là văn hoá Đông Sơn rực rỡ, thành quả đáng tự hào của thời đại Hùng Vương. Vào nửa sau thế kỷ thứ III trước công nguyên, nhân sự suy yếu của triều đại Hùng Vương cuối cùng, Thục Phán là một thủ lĩnh người Âu Việt đã thống nhất hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt, thành lập nước Âu Lạc, dời đô từ Lâm Thao về Cổ Loa (Hà Nội). Nhà nước Âu Lạc kế thừa nhà nước Văn Lang trên mọi lĩnh vực.

Do có vị trí địa lý thuận lợi, nước ta luôn bị các thế lực ngoại xâm lược nhòm ngó. Sự xuất hiện các thế lực thù địch và âm mưu thôn tính mở rộng lãnh thổ của chúng là nguy cơ trực tiếp đe dọa vận mệnh đất nước ta. Do vậy, yêu cầu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập và cuộc sống đã sớm xuất hiện trong lịch sử dân tộc ta. Người Việt muốn tồn tại, bảo vệ cuộc sống và nền văn hoá của mình chỉ có con đường duy nhất là đoàn kết đứng lên đánh giặc, giữ nước.

2: Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên

a. Về địa lý

- Vị trí địa lý:

Việt Nam là một nước nằm trong khu vực Đông Nam Á, là cửa ngõ phía Đông Nam của châu Á, án ngữ đường biển từ Thái Bình Dương tới Ấn Độ Dương, có hệ thống giao thông thuận lợi (bộ, thủy) đảm bảo giao lưu trong khu vực châu Á và trên thế giới. Chính vì vậy kẻ thù (các triều đại Phong kiến phương Bắc) luôn nhòm ngó, đe dọa và tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta. Lịch sử tổng kết: Kể từ kháng chiến chống Tần thế kỉ III TCN đến nay, đất nước ta đã tiến hành 18 cuộc chiến tranh giữ nước cùng hàng trăm cuộc khởi nghĩa và giải phóng dân tộc, là một trong những nước có số lần chiến tranh nhiều nhất trong lịch sử chiến tranh trên thế giới.

Do vậy: Vị trí địa lý là một trong những yếu tố tác động mạnh mẽ đến việc hình thành nên nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên.

+ Địa hình:

Việt Nam là một đất nước có 3/4 diện tích là rừng núi, địa hình hiểm trở, sông ngòi nhiều, bờ biển dài dọc theo đất nước. Đặc biệt tuy là một đất nước nhỏ bé nhưng chúng ta thường xuyên phải chống lại các kẻ thù lớn mạnh (Trung Quốc, Mông Cổ). Để đánh thắng giặc ngoại xâm, tổ tiên ta đã biết lợi dụng địa hình để lập thế trận đánh giặc, tạo nên cách đánh bộ binh, thủy binh, tượng binh độc đáo (Bạch Đằng, Chi Lăng, khởi nghĩa Hai Bà Trưng...).

Nguyễn Trãi đã khái quát: “Quan hà bách nhị do thiên thiết”, nói lên vai trò của địa hình trong chiến tranh cũng như việc hình thành nên nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên.

+ Khí hậu:

Việt Nam nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới, gió mùa, hằng năm thường bị ảnh hưởng rất lớn do hậu quả thiên tai mang lại. Chính vì vậy đã tạo nên con người Việt Nam có truyền thống đoàn kết trong lao động sản xuất và phòng chống thiên tai (Sơn Tinh – Thủy Tinh). Đây chính là nền tảng hình thành tinh thần đoàn kết đấu tranh chống giặc ngoại xâm, là yếu tố tạo nên sức mạnh đánh thắng kẻ thù.

Như vậy: Đặc điểm địa lý là yếu tố rất quan trọng, tác động trực tiếp đến sự hình thành nên nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên.

b. Về kinh tế

Kinh tế nước ta lấy sản xuất nông nghiệp là chính trong đó trồng trọt chăn nuôi là chủ yếu, hình thức tự cung, tự cấp, trình độ canh tác thấp, quy mô nhỏ, tính chất phân tán. Trong quá trình phát triển, tổ tiên ta đã kết hợp chặt chẽ tư

tướng dựng nước phải đi đôi với giữ nước, thực hiện nhiều kế sách như "phù quốc, cường binh ", "ngụ binh ư nông"...

Trong xây dựng đất nước, tổ tiên ta tích cực làm đường, đắp đê, đào sông ngòi để làm thủy lợi cải tạo ruộng đồng đẩy mạnh trồng trọt chăn nuôi, sản xuất các loại dụng cụ lao động, điều đó đã tạo điều kiện cho hoạt động quân sự khi có chiến tranh như việc tổ chức bố trí thế trận, cơ động lực lượng, cung cấp hậu cần...Đảm bảo cho mọi người đều tham gia đánh giặc và đánh giặc được lâu dài. Cho nên từ thời kỳ đầu giữ nước tổ tiên ta đã biết phát huy cách đánh nhỏ, lẻ, phân tán biết sử dụng và kết hợp các loại dụng cụ lao động, sản xuất ra các loại vũ khí (cung tên, chông bẫy) để đánh giặc bảo vệ đất nước.

c. Về chính trị, văn hóa – xã hội

- Chính trị:

Nước ta có 54 dân tộc anh em chung sống hòa thuận và cùng yêu nước thương nòi (Sự tích trăm trứng: Âu Cơ – Lạc Long Quân). Mỗi khi đất nước bị giặc xâm lăng thì cả nước đoàn kết đánh giặc cứu nước.

Tổ tiên ta sớm xây dựng nhà nước (Nhà nước Văn Lang thời vua Hùng Vương – thế kỉ VII TCN). Xác định chủ quyền lãnh thổ (Nam quốc sơn hà – Lý Thường Kiệt), đề ra pháp luật để quản lí đất nước, tổ chức ra lực lượng để bảo vệ đất nước, giúp cho Quốc thái dân an. Vua Lê Thánh Tông nói: “Phàm có nhà nước, tất có võ bị”. Quân đội ra đời từ rất sớm bởi vậy nghệ thuật đánh giặc cũng được hình thành.

- Văn hóa – xã hội:

Nước ta có nền văn hóa bản địa xuất hiện từ rất sớm: Nhà nước Văn Lang ra đời với một tổ chức chính trị xã hội phát triển, một nền văn hóa Đông Sơn nổi tiếng. Mỗi một vùng, miền, dân tộc, làng bản, nhà đều có phong tục tập quán riêng tạo nên một nền văn hóa phong phú đa dạng. Hơn 1000 năm Bắc thuộc nhưng chúng ta cũng không chịu khuất phục trước sự đồng hóa của kẻ thù.

Có thể nói: *Trong thời Bắc thuộc, người Việt bị mất nước chứ không mất làng. Một tác giả Phương Tây nhận xét: “Nước Việt qua thời Bắc thuộc như một tòa nhà bị thay đổi mặt tiền mà không bị thay đổi cấu trúc bên trong”.*

- Trong quá trình dựng nước và giữ nước, dân tộc ta xây dựng nên một nền văn hóa có truyền thống chung là:

- + Tinh thần đoàn kết yêu nước;
- + Lao động cần cù, sáng tạo;
- + Kiên cường bất khuất;
- + Truyền thống hiếu học.

Tóm lại: Đặc điểm về địa lý, kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội là những yếu tố tác động trực tiếp và có tính chất quyết định đến sự hình thành nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên ta.

3. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược

- Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên

Cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên mà sử sách ghi lại là cuộc kháng chiến chống quân Tần. Đó là cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ, từ năm 214 đến 208 TCN của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của vua Hùng và Thục Phán.

+ Sau cuộc kháng chiến chống Tần là cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc do An Dương Vương lãnh đạo chống chiến tranh xâm lược của Triệu Đà, từ năm 184 đến 179 trước công nguyên, nhưng bị thất bại. Từ đây, đất nước ta rơi vào thảm họa hơn một nghìn năm bị phong kiến Trung Hoa đô hộ (thời kì Bắc thuộc).

- Những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược giành và giữ độc lập từ thế kỷ thứ II trước công nguyên đến đầu thế kỷ thứ X

Trong hơn một nghìn năm (từ năm 179 trước công nguyên đến năm 938), nước ta liên tục bị các triều đại phong kiến phương Bắc từ nhà Triệu, nhà Hán, nhà Lương...đến nhà Tùy, nhà Đường đô hộ. Trong thời gian này, nhân dân ta đã nêu cao tinh thần bất khuất, kiên cường và bền bỉ, đấu tranh bảo tồn cuộc sống, giữ gìn, phát huy tinh hoa của nền văn hoá dân tộc và quyết đứng lên đấu tranh giành lại độc lập dân tộc.

+ Cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng vào mùa xuân năm 40 đã giành được độc lập. Nền độc lập dân tộc được khôi phục và giữ vững trong ba năm.

+ Năm 248, Triệu Thị Trinh phát cờ khởi nghĩa. Nghĩa quân của người con gái núi Nưa (Triệu Sơn, Thanh Hoá) làm cho quân thù nhiều phen kinh hồn, bạt vía. Sau gần nửa năm chiến đấu khiến cho toàn thể Giao Châu đều chấn động. Mặc dù bà Triệu cùng nghĩa quân chiến đấu rất anh dũng, nhưng kẻ thù có sức mạnh vượt trội và đàn áp rất khốc liệt, nên khởi nghĩa bị thất bại.

+ Mùa xuân năm 542, phong trào yêu nước của người Việt lại bùng lên mạnh mẽ, rầm rộ. Dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Lí Bôn, anh hùng hào kiệt bốn phương cùng toàn dân vùng lên lật đổ chính quyền của nhà Lương. Sau đó, nghĩa quân liên tiếp đánh thắng hai cuộc phản công của kẻ thù. Đầu năm 544, Lí Bôn lên ngôi hoàng đế (Lí Nam Đế), đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.

+ Khởi nghĩa của Lí Tự Tiên và Đinh Kiến năm 687.

+ Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế) năm 722.

+ Khởi nghĩa của Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương) năm 766 đến 791.

+ Trước hành động phản bội của Kiều Công Tiễn và hoạn quân Nam Hán, Ngô Quyền là một danh tướng của Dương Đình Nghệ đã đứng lên lãnh đạo quân dân ta, kiên quyết đánh giặc, bảo vệ chủ quyền dân tộc. Trận quyết chiến trên sông Bạch Đằng, Ngô Quyền cùng quân và dân ta đã nhấn chìm toàn bộ đoàn thuyền của quân Nam Hán, khiến tướng giặc Hoàng Thao phải bỏ mạng, vua Nam Hán phải bãi binh, chấm dứt hơn một nghìn năm Bắc thuộc, đất nước ta mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên của độc lập, tự chủ.

- Các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII

+ Kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất năm 981 của nhà Tiền Lê

Thời nhà Đinh, công cuộc xây dựng đất nước đang được xúc tiến thì năm 979, Đinh Tiên Hoàng bị ám hại. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước thừa dịp âm mưu lật đổ và thôn tính. Lúc bấy giờ, ở Trung quốc, nhà Tống đã thành lập và đang phát triển. So với Nam Hán, thì nhà Tống là một triều đại cường thịnh của một quốc gia phong kiến lớn nhất Châu Á đương thời. Nhân dịp suy yếu của nhà Đinh, nhà Tống quyết định phát động cuộc chiến tranh xâm lược Đại Cồ Việt (quốc hiệu của nước ta lúc đó). Trong khi vua Đinh còn trẻ, chưa đủ khả năng và uy tín tổ chức lãnh đạo cuộc kháng chiến, vì sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, triều thần và quân sĩ đã suy tôn Lê Hoàn, người đang giữ chức thập đạo tướng quân lên làm vua. Lê Hoàn lên ngôi, lập nên triều đại nhà Tiền Lê và đảm nhiệm sứ mạng lịch sử, tổ chức và lãnh đạo thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Tống.

+ Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ 2 (1075 - 1077) của nhà Lý

Tuy bị đại bại trong lần xâm lược năm 981, nhà Tống vẫn chưa chịu từ bỏ tham vọng xâm lược nước ta. Khoảng giữa thế kỷ XI, vua Tống Thần Tông ra lệnh chuẩn bị lực lượng đánh Đại Việt lần nữa, nhằm giành thắng lợi ở Đại Việt để tạo thế uy hiếp nước Liêu, nước Hạ. Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt, lúc đó nắm giữ binh quyền trực tiếp lãnh đạo kháng chiến, nhận thấy không thể để bị động đối phó, đợi quân giặc tiến công sang, mà phải chủ động tiến công trước để đẩy kẻ thù vào thế bị động. Với chủ trương thực hiện "tiên phát chế nhân", "Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của chúng", Lý Thường Kiệt đã chủ động đưa quân tiến công sang đất Tống tiêu diệt lực lượng ở các căn cứ xuất phát của kẻ thù, rồi rút về phòng thủ đất nước. Biết quân Tống thế nào cũng kéo quân sang phục thù, Lý Thường Kiệt đã cho khẩn trương chuẩn bị kháng chiến, xây dựng phòng tuyến Như Nguyệt để chặn giặc ; đồng thời, triển khai lực lượng, bố trí thế trận chống giặc ngoại

xâm. Trần phản công Như Nguyệt (tháng 3/1077), quân và dân Đại Việt đã quét sạch quân xâm lược Tống ra khỏi biên cương của Tổ quốc.

+ Ba lần kháng chiến chống quân Nguyên của nhà Trần ở thế kỷ XIII

Từ năm 1225, Nhà Trần thay thế Nhà Lí đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo công cuộc dựng nước và giữ nước (1226 - 1400), đã lãnh đạo nhân dân ta ba lần kháng chiến chống quân Nguyên, giành thắng lợi vẻ vang, bổ sung những nét đặc sắc vào nền nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Cuộc kháng chiến lần thứ nhất vào năm 1258, quân và dân ta đã đánh thắng 3 vạn quân Nguyên.

Cuộc kháng chiến lần thứ hai vào năm 1285, quân và dân ta đã đánh thắng 60 vạn quân Nguyên.

Cuộc kháng chiến lần thứ ba vào năm 1287 - 1288, quân và dân ta đã đánh thắng 50 vạn quân Nguyên.

Trong vòng 30 năm (1258 - 1288), dân tộc ta phải liên tiếp ba lần đứng lên chống xâm lược. Kháng chiến chống quân Nguyên không chỉ là cuộc đọ sức quyết liệt giữa một đế quốc đầu sỏ mạnh nhất thế giới lúc đó với một dân tộc nhỏ bé nhưng kiên quyết đứng lên chống xâm lược để bảo vệ đất nước, mà còn là cuộc đấu tranh gay gắt về tài trí giữa hai nền nghệ thuật quân sự của Đại Việt và quân xâm lược Nguyên Mông.

+ Cuộc kháng chiến chống Minh do Hồ Quý Ly lãnh đạo (1400 - 1407).

Vào cuối thế kỷ XIV, triều đại nhà Trần từng bước suy tàn, Hồ Quý Ly là một quý tộc có thanh thế đã phế truất vua Trần, lập ra vương triều mới, triều đại nhà Hồ. Tháng 5/1406, dưới chiêu bài "phù Trần diệt Hồ", nhà Minh đã đưa quân xâm lược nước ta. Trong tác chiến, nhà Hồ quá thiên về phòng thủ, coi đó là phương thức cơ bản, dẫn đến sai lầm về chỉ đạo chiến lược. Mặt khác, không phát động được được toàn dân đánh giặc, tổ chức phản công chiến lược không đúng thời cơ, bị tổn thất nặng, nên bị thất bại. Đất nước ta một lần nữa bị phong kiến phương Bắc đô hộ.

+ Khởi nghĩa Lam Sơn và chiến tranh giải phóng dân tộc do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo.

Mặc dù chiếm được Đại Việt, nhưng giặc Minh không khuất phục được dân tộc ta, các cuộc khởi nghĩa của các tầng lớp nhân dân yêu nước vẫn liên tiếp nổ ra, tiêu biểu là khởi nghĩa Lam Sơn. Sau 10 năm (1418 – 1427) chiến đấu bền bỉ, ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành chiến tranh giải phóng, hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang, quét sạch kẻ thù ra khỏi bờ cõi. Thắng lợi

vĩ đại đó chứng tỏ nghệ thuật quân sự trong khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng của cha ông ta đã đạt đến đỉnh cao và để lại nhiều bài học lịch sử quý giá.

+ Khởi nghĩa Tây Sơn và các cuộc kháng chiến chống quân Xiêm 1784 - 1785, kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh 1788 - 1789

Sau khi đánh thắng giặc Minh xâm lược, Lê Lợi lên ngôi, lập nên triều Hậu Lê (triều Lê Sơ), đây là giai đoạn hưng thịnh nhất của phong kiến Việt Nam. Nhưng thời gian hưng thịnh của đất nước không kéo dài, từ năm 1553 đến năm 1788 xảy ra cuộc nội chiến triền miên giữa các thế lực, mà điển hình nhất là vua Lê - chúa Trịnh. Trong thời gian đó, có nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra như khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu, khởi nghĩa Tây Sơn. Quân Tây Sơn tiến công vào Gia Định, hang ổ cuối cùng của nhà Nguyễn. Nhà Nguyễn phải sống lưu vong nhờ sự giúp đỡ của vua Xiêm (Thái Lan). Năm 1784, nhà Tây Sơn tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm và tiến công ra Bắc, xoá bỏ giới tuyến sông Gianh, chấm dứt toàn bộ thể chế "vua Lê, chúa Trịnh". Năm 1788, trước nguy cơ xâm lược của 29 vạn quân Mãn Thanh, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Quang Trung và thực hiện cuộc hành quân thần tốc tiêu diệt 29 vạn quân xâm lược vào mùa xuân Kỷ Dậu 1789. Tiếp theo là triều đại của Nguyễn ánh (Gia Long), Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức và Bảo Đại là ông vua cuối cùng của nhà nước phong kiến Việt Nam.

4. Nội dung nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên

Lịch sử đã đặt ra cho dân tộc ta biết bao thử thách ngặt nghèo trong quá trình dựng nước và giữ nước. Nhưng với tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, với truyền thống đoàn kết vươn lên trong đấu tranh và xây dựng, với tài thao lược kiệt xuất của cha ông, nhân dân ta đã vượt qua tất cả mọi trở ngại, chiến thắng mọi kẻ thù, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. Từ trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm, dân tộc ta đã hình thành nghệ thuật chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, nghệ thuật lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông. Trong quá trình đó, nghệ thuật quân sự Việt Nam từng bước phát triển và được thể hiện rất sinh động trong khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh giải phóng, trên các phương diện tư tưởng chỉ đạo tác chiến, mưu kế đánh giặc....

a) Về tư tưởng chỉ đạo tác chiến

Giải phóng, bảo vệ đất nước là nhiệm vụ quan trọng, là mục tiêu cao nhất của các triều đại phong kiến trong chiến tranh giữ nước. Do đó, cha ông ta luôn nắm vững tư tưởng tiến công, coi đó như một quy luật để giành thắng lợi trong suốt quá trình chiến tranh. Thực hiện tiến công liên tục mọi lúc, mọi nơi, từ cục

bộ đến toàn bộ, để quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi. Tư tưởng tiến công được xem như sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình chuẩn bị và thực hành chiến tranh giữ nước. Tư tưởng đó thể hiện rất rõ trong đánh giá đúng kẻ thù, chủ động đề ra kế sách đánh, phòng, khẩn trương chuẩn bị lực lượng kháng chiến, tìm mọi biện pháp làm cho địch suy yếu, tạo ra thế và thời cơ có lợi để tiến hành phản công, tiến công.

Sử sách còn ghi lại, thời nhà Lí đã chủ động đánh bại kẻ thù ở phía Nam (quân Chiêm Thành), phá tan âm mưu liên kết của nhà Tống với Chiêm Thành. Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lí Thường Kiệt đã sử dụng biện pháp "tiên phát chế nhân" chủ động tiến công trước để đẩy kẻ thù vào thế bị động. Ông đã tận dụng thế "thiên hiểm" của địa hình, xây dựng tuyến phòng thủ sông Như Nguyệt, thực hiện trận quyết chiến chiến lược, chủ động chặn và đánh địch từ xa để bảo vệ Thăng Long.

Vào thế kỷ XIII, các quốc gia châu Âu, châu Á đang run sợ trước vó ngựa của giặc Nguyên Mông, thì cả ba lần tiến quân xâm lược Đại Việt vào các năm 1258, 1285, 1288, giặc Nguyên đều thảm bại, mặc dù có số quân lớn hơn nhiều lần quân đội nhà Trần. Có được thắng lợi đó là do ta đã thực hiện toàn dân đánh giặc, "cả nước chung sức, trăm họ là binh", trong đó, tích cực chủ động tiến công giặc là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong các cuộc chiến tranh.

Trước đối tượng tác chiến là giặc Nguyên Mông có sức mạnh lớn hơn, ông cha ta đã kịp thời thay đổi phương thức tác chiến, tránh quyết chiến với địch khi chúng còn rất mạnh, chủ động rút lui chiến lược, bảo toàn lực lượng và tạo thế, thời cơ để phản công. Rút lui chiến lược, tạm nhường Thăng Long cho giặc trong một thời gian nhất định, là để bảo toàn lực lượng và đó là một nét độc đáo trong nghệ thuật tác chiến, chứ không phải là tư tưởng rút lui. Quân địch tạm chiếm được Thăng Long mà không chiếm được "Thủ đô" của kháng chiến, bởi vì chỉ chiếm được "thành không, nhà trống". Trong khoảng thời gian đó, quân đội nhà Trần và nhân dân cả nước đã tích cực tác chiến nhỏ lẻ, tiêu hao nhiều lực lượng địch, làm cho chúng rơi vào trạng thái "tiến thoái lưỡng nan", tạo thời cơ tốt nhất để phản công chiến lược, quét sạch quân thù ra khỏi đất nước (lần thứ nhất sau 9 ngày tính từ khi giặc Nguyên vào Thăng Long, lần thứ hai sau 5 tháng, lần thứ ba sau 3 tháng).

Đến thời Nguyễn Huệ, tư tưởng chủ động tiến công địch để giải phóng Thăng Long lại được phát triển lên một tầm cao mới. Với cách đánh táo bạo, thần tốc, bất ngờ và mãnh liệt, giải quyết chiến tranh nhanh gọn trong một đợt tổng giao chiến, Ông đã chủ động tiến công địch khi chúng còn rất mạnh (29

vạn quân Thanh và quân bán nước Lê Chiêu Thống) nhưng lại rất chủ quan, kiêu ngạo, thiếu phòng bị (quân Thanh và bè lũ bán nước đang chuẩn bị đón tết Kỷ Dậu năm 1789), do đó, đã giành thắng lợi trọn vẹn.

b. Về mưu kế đánh giặc

Mưu là để lừa địch, đánh vào chỗ yếu, chỗ sơ hở, chỗ ít phòng bị, làm cho chúng bị động, lúng túng đối phó. Kế là để điều địch theo ý định của ta, giành quyền chủ động, buộc chúng phải đánh theo cách đánh của ta. Trong các cuộc chiến tranh giải phóng, với ý chí kiên cường của dân tộc, triều đại nhà Lí, Trần, hậu Lê...đã tạo được thế trận chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, kết hợp các cách đánh, các lực lượng cùng đánh. Trong chống giặc ngoại xâm để bảo vệ đất nước, cha ông ta đã kết hợp chặt chẽ giữa quân triều đình, quân địa phương và dân binh, thổ binh các làng xã cùng đánh địch, làm cho lực lượng địch luôn bị phân tán, không thực hiện được hợp quân tại Thăng Long. Để bảo vệ Thăng Long, Lí Thường Kiệt đã xây dựng tuyến phòng ngự sông Cầu để chặn giặc, khi quân nhà Tống tiến công vượt sông không thành công phải chuyển vào phòng ngự, Ông đã dùng quân địa phương và dân binh liên tục quấy rối, làm cho địch mệt mỏi, căng thẳng, tạo thời cơ cho quân đội nhà Lí chuyển sang phản công giành thắng lợi hoàn toàn.

Kế sách đánh giặc của ông cha ta không những sáng tạo, mà còn hết sức mềm dẻo, khôn khéo đó là "biết tiến, biết thoái, biết công, biết thủ". Biết kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với binh vận, ngoại giao, tạo thế mạnh cho ta, biết phá thế mạnh của giặc, trong đó tiến công quân sự luôn giữ vai trò quyết định. Lê Lợi, Nguyễn Trãi không những giỏi trong bày mưu, lập kế để đánh thắng giặc trên chiến trường, mà còn thực hiện "mưu phạt công tâm", đánh vào lòng người. Sau khi đánh tan đạo quân viện binh do Liễu Thăng chỉ huy, đã vây chặt thành Đông Quan, buộc Vương Thông phải đầu hàng vô điều kiện, nhưng các ông đã cấp thuyền, ngựa và lương thảo cho hàng binh nhà Minh về nước trong danh dự, để muôn đời dập tắt chiến tranh.

Ông cha ta đã phát triển mưu, kế đánh giặc, biến cả nước thành một chiến trường, tạo ra một "thiên la, địa võng" để diệt địch. Làm cho "địch đông mà hoá ít, địch mạnh mà hoá yếu", đi đến đâu cũng bị đánh, luôn bị tập kích, phục kích, lực lượng bị tiêu hao, tiêu diệt, rơi vào trạng thái "tiến thoái lưỡng nan". Trong tác chiến, ông cha ta đã triệt để khoét sâu điểm yếu của địch là tác chiến ở chiến trường xa, tiếp tế khó khăn, nên đã tập trung triệt phá lương thảo, hậu cần của địch. Ngoài thực hiện kế "thanh dã", làm cho kẻ thù rơi vào trạng thái "người không có lương ăn, ngựa không có nước uống", quân đội nhà Trần tổ chức lực

lượng đón đánh các lực lượng vận chuyển lương thực, hậu cần và đánh phá kho tàng của địch. Điển hình như đội quân của Trần Khánh Dư đã tiêu diệt toàn bộ đoàn thuyền lương của giặc do Trương Văn Hổ chỉ huy ở bến Vân Đồn, làm cho giặc Nguyên ở Thăng Long vô cùng hoảng loạn.

c. Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc

Thực hiện toàn dân đánh giặc là một trong những nét độc đáo trong nghệ thuật quân sự của tổ tiên ta, được thể hiện cả trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng.

Nét độc đáo đó xuất phát từ lòng yêu nước thương nòi của nhân dân ta, từ tính chất tự vệ, chính nghĩa của các cuộc kháng chiến. Hễ kẻ thù đụng đến nước ta, thì "vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước chung sức, trăm họ là binh", giữ vững quê hương, bảo vệ xã tắc.

Từ lời thề của hai Bà Trưng và nghĩa quân: "Một xin rửa sạch nước thù; Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng; Ba kéo oan ức lòng chồng; Bốn xin vền vẹn sở công lệnh này", đến Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, nghệ thuật "lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo", nghệ thuật quân sự Việt Nam đã liên tục phát triển dựa trên nền tảng của chiến tranh nhân dân, thực hiện tốt đôi yếu thành mạnh, kết hợp lực, thế, thời, mưu, để đạt mục đích là cùng giành lại và giữ vững chủ quyền đất nước với tư tưởng "dập tắt muôn đời chiến tranh", "đem lại thái bình muôn thuở".

Nội dung cơ bản của thực hiện toàn dân đánh giặc là : "Mỗi người dân là một người lính, đánh giặc theo cương vị, chức trách của mình. Mỗi thôn, xóm, bản, làng là một pháo đài diệt giặc. Cả nước là một chiến trường, tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân liên hoàn, vững chắc làm cho địch đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu, rơi vào trạng thái bị động, lúng túng và bị sa lầy".

Trong đánh giặc, ông cha ta đã tận dụng địa hình, xây dựng thế trận làng, nước vững chắc, vận dụng sáng tạo cách đánh của nhiều lực lượng, nhiều thứ quân. Vận dụng rộng rãi, sáng tạo nhiều hình thức đánh giặc để đạt hiệu quả cao như : phòng ngự sông Cầu, phục kích Chi Lăng, phản công Chương Dương, Hàm Tử, tiến công Ngọc Hồi, Đống Đa...

d. Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh

Đây là nét đặc sắc và tất yếu trong nghệ thuật quân sự của ông cha ta, khi dân tộc ta luôn phải chống lại các đội quân xâm lược có quân số, vũ khí, trang bị lớn hơn nhiều lần. Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh chính là sản phẩm của lấy "thế" thắng "lực". Quy luật của chiến tranh là

mạnh được, yếu thua, nhưng từ trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm, cha ông ta đã sớm xác định đúng về sức mạnh trong chiến tranh, đó là : sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố, chứ không thuần túy là sự so sánh, hơn kém về quân số, vũ khí của mỗi bên tham chiến.

Để chống lại 30 vạn quân xâm lược Tống (1077), nhà Lí trong khi chỉ có khoảng 10 vạn quân, Lí Thường Kiệt đã tận dụng được ưu thế địa hình và các yếu tố khác để tạo ra sức mạnh hơn địch và đánh thắng địch.

Thời nhà Trần có khoảng 15 vạn quân, chống lại giặc Nguyên - Mông, lần thứ 2 là 60 vạn, lần 3 là khoảng 50 vạn. Nhà Trần đã "lấy đoản binh để chế trường trận", hạn chế sức mạnh của giặc, để đánh thắng giặc.

Cuộc khởi nghĩa của Lam Sơn, quân số lúc cao nhất có khoảng 10 vạn, nhưng đã đánh thắng 80 vạn quân Minh xâm lược. Vì Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã vận dụng "tránh thế ban mai, đánh lúc chiều tà" và vận dụng cách đánh "vây thành để diệt viện".

Trong cuộc kháng chiến chống quân Mãn Thanh xâm lược, nhà Tây Sơn có khoảng 10 vạn quân, nhưng đã đánh thắng 29 vạn quân xâm lược và quân bán nước Lê Chiêu Thống vì Nguyễn Huệ đã dùng lối đánh táo bạo, thần tốc, bất ngờ.

d. Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận

Chiến tranh là sự thử thách toàn diện đối với mỗi quốc gia trong tham chiến. Trong chống giặc ngoại xâm, ông cha ta đã biết kết hợp chặt chẽ các mặt trận nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để đánh thắng kẻ thù. Mỗi mặt trận có vị trí, tác dụng khác nhau, nhưng cùng thống nhất ở mục đích tạo ra sức mạnh để giành thắng lợi trong chiến tranh.

Mặt trận chính trị nhằm cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân, quy tụ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, là cơ sở để tạo ra sức mạnh quân sự.

Mặt trận quân sự là mặt trận quyết liệt nhất, thực hiện tiêu diệt sinh lực, phá huỷ phương tiện chiến tranh của địch, quyết định thắng lợi trực tiếp của chiến tranh, tạo đà, tạo thế cho các mặt trận khác phát triển.

Mặt trận ngoại giao có vị trí rất quan trọng, đề cao tính chính nghĩa của nhân dân ta, phân hoá, cô lập kẻ thù, tạo thế có lợi cho cuộc chiến. Mặt khác, mặt trận ngoại giao kết hợp với mặt trận quân sự, chính trị tạo ra thế có lợi để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt. Điển hình: Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã mở

"Hội thê Đông Quan", cấp ngựa, thuyền, lương thảo cho hàng binh nhà Minh về nước trong danh dự, để muôn đời dập tắt chiến tranh.

Mặt trận binh vận đề vận động làm tan dã hàng ngũ của giặc, góp phần quan trọng để hạn chế thấp nhất tổn thất của nhân dân ta trong chiến tranh.

e. Nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn

Trong các triều đại phong kiến, ông cha ta đã tổ chức và thực hành các trận đánh lớn để giải phóng đất nước, kết thúc chiến tranh. Thời nhà Lí có phòng ngự sông Cầu (Như Nguyệt), đây là một điển hình về kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công trên cả quy mô chiến lược, chiến thuật. Tác chiến phòng ngự ở Như Nguyệt không chỉ chặn đứng 30 vạn quân Tống, mà còn làm thất bại ý đồ đánh nhanh, thắng nhanh để chiếm Thăng Long của chúng, khiến quân địch phải chuyển từ chủ động tiến công sang bị động phòng ngự.

Thời nhà Trần, lần chống giặc Nguyên thứ 2, Trần Quốc Tuấn đã tổ chức một cuộc rút lui chiến lược, làm thất bại kế hoạch hợp vây của địch. Trong cuộc truy đuổi, giặc Nguyên không thực hiện được những đòn quyết chiến với chủ lực ta, trái lại, chúng vấp phải một cuộc chiến tranh của toàn dân Đại Việt. Do vậy, quân Nguyên đã sa vào tình trạng muốn đánh mà không đánh được, "lực càng yếu, thế càng suy", điều đó đã tạo ra thời cơ phản công cho quân ta.

Thời nhà hậu Lê, sau 10 năm bèn bỉ, gian khổ, ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang giải phóng dân tộc, giải phóng Thăng Long. Thắng lợi đó là kết quả của nhiều yếu tố, trong đó nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn giữ một vai trò rất quan trọng, đặc biệt ở giai đoạn cuối của chiến tranh. Trong chỉ đạo tác chiến, Lê Lợi và Nguyễn Trãi chủ trương "lánh chỗ thực, đánh chỗ hư, tránh nơi vững chắc, đánh nơi sơ hở". Khi nghe tin viện binh nhà Minh sắp sang, nhiều tướng sĩ yêu cầu Lê Lợi hạ gấp thành Đông Quan (Thăng Long) để diệt trừ nội ứng, rồi sau đó sẽ dốc toàn lực để đánh viện binh. Lê Lợi đã phân tích một cách sáng suốt và quyết định: "Đánh thành là hạ sách...Sao bằng nuôi dưỡng sức quân, giữ lấy nhuệ khí để đợi viện binh của giặc. Viện binh bị phá thì thành tất phải hàng. Làm một việc mà được cả hai, đó mới là kế sách vẹn toàn". Việc lựa chọn rất đúng mục tiêu tiến công chiến lược và kiệt xuất trong tổ chức, thực hành trận quyết chiến Xương Giang - Chi Lăng, buộc lũ giặc Vương Thông trong thành Đông Quan không đánh mà bị bắt đã chứng tỏ tài năng quân sự xuất sắc của ông trong tổ chức và thực hành các trận đánh lớn của ông cha ta.

Nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ và quân Tây Sơn được biểu hiện tập trung nhất, rực rỡ nhất trong việc tổ chức và thực hành các trận quyết chiến

chiến lược, đặc biệt là giải phóng Thăng Long trong mùa xuân Kỷ Dậu 1789. Khi chọn đánh vào Thăng Long, là địa bàn tập trung hầu hết quân địch, là nơi bộ chỉ huy quân Thanh và triều đình Lê Chiêu Thống, Nguyễn Huệ đã nhìn thấy rất rõ trong cái mạnh của địch, chúng bộc lộ những điểm yếu và sơ hở. Điểm yếu cơ bản của quân tướng nhà Thanh là rất chủ quan, ngạo mạn, cho rằng, Tây Sơn không dám và không thể tiến công chúng, do đó thế trận rất lỏng lẻo.

Trong thực hành tác chiến, Nguyễn Huệ đã thiết lập một hệ thống tổ chức hành quân đạt hiệu quả tối đa, khiến quân địch hoàn toàn bị động. Trong cách đánh, Nguyễn Huệ rất chú trọng hợp vây chiến dịch, chiến thuật và tiến công địch bằng các đòn thọc sâu, hiểm hóc. Đây vừa là nghệ thuật kết hợp tiến công chính diện với bên sườn, vừa là tiến hành nhiều trận đánh diễn ra đồng thời, liên tiếp, nhanh mạnh, bất ngờ, khiến địch không thể ứng cứu được cho nhau và nhanh chóng thất bại.

II. NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM TỪ KHI CÓ ĐẢNG LÃNH ĐẠO

Kế thừa, phát triển nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên, nghệ thuật quân sự Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã không ngừng phát triển, gắn liền với thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Nghệ thuật quân sự Việt Nam gồm ba bộ phận hợp thành : Chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. Ba bộ phận của nghệ thuật quân sự là một thể thống nhất có quan hệ biện chứng chặt chẽ, thúc đẩy nhau phát triển, trong đó chiến lược quân sự đóng vai trò chủ đạo.

1. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam

a. Truyền thống đánh giặc của tổ tiên

Trải qua mấy nghìn năm chống giặc ngoại xâm, nghệ thuật quân sự của tổ tiên đã hình thành và không ngừng phát triển, trở thành những bài học vô giá cho các thế hệ sau. Nhiều tư tưởng quân sự kiệt xuất như : "Bình thư yếu lược", "Hổ trướng khu cơ", "Bình Ngô đại cáo" ; những trận đánh điển hình như : Như Nguyệt, Chi Lăng, Tây Kết, Ngọc Hồi, Đống Đa...đã để lại những kinh nghiệm quý giá. Kinh nghiệm truyền thống đó là cơ sở để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kế thừa, vận dụng, phát triển trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

b. Chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Học thuyết chiến tranh, quân đội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và kinh nghiệm nghệ

thuật quân sự được đúc rút qua các cuộc chiến tranh do C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lênin tổng kết, là cơ sở để Đảng ta vận dụng, định ra đường lối quân sự trong khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh giải phóng ở Việt Nam.

c. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự tiếp thu, kế thừa truyền thống đánh giặc của tổ tiên, vận dụng lí luận Mác - Lênin về quân sự, kinh nghiệm của các nước trên thế giới vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, là cơ sở cho sự hình thành và phát triển Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã từng biên dịch "Binh pháp Tôn Tử", viết về "kinh nghiệm du kích Tàu", "du kích Nga"..., phát triển nguyên tắc chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự...qua các thời kì đấu tranh cách mạng. Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đề ra phương châm chỉ đạo chiến tranh, phương thức tác chiến chiến lược, nắm bắt đúng thời cơ, đưa chiến tranh Việt Nam kết thúc thắng lợi.

2. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

a. Chiến lược quân sự

Chiến lược quân sự là tổng thể phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh (xung đột vũ trang) thắng lợi; bộ phận hợp thành (quan trọng nhất) có tác dụng chủ đạo trong nghệ thuật quân sự.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, chiến lược quân sự Việt Nam đã thể hiện các nội dung chủ yếu sau.

+ *Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến*

Đây là vấn đề quan trọng của chiến tranh cách mạng, nhiệm vụ của chiến lược quân sự phải xác định chính xác để từ đó có đối sách và phương thức đối phó hiệu quả nhất. Thực tiễn ở nước ta sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lúc đó xuất hiện nhiều kẻ thù : quân đội Anh, Tưởng, Ấn Độ, Nhật và quân Pháp. Tất cả kẻ thù trên đều cùng chung một mục đích là tiêu diệt nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà non trẻ. Trước tình hình đó, Đảng ta xác định kẻ thù nguy hiểm, trực tiếp của cách mạng Việt Nam là thực dân Pháp. Đây là tư duy chính xác và khoa học của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời điểm lịch sử "ngàn cân treo sợi tóc". Từ đó, đối tượng tác chiến của quân và dân ta là quân đội Pháp xâm lược.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, khi đế quốc Mĩ không chịu kí hiệp định Giơnevơ, tạo có áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, ngay từ tháng 9/ 1954, Đảng ta đã nhận định, đế quốc Mĩ đang dần trở thành kẻ

thù trực tiếp, nguy hiểm của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia. Đây là sự phán đoán chính xác trong xác định kẻ thù của cách mạng nói chung, của chiến lược quân sự nói riêng.

+ *Đánh giá đúng kẻ thù*

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích, đánh giá đúng mạnh, yếu của kẻ thù. Bước vào kháng chiến chống Pháp, so sánh lực lượng địch, ta hết sức chênh lệch, nhưng với phương pháp xem xét biện chứng, Đảng ta đã phân tích, chỉ ra sự phát triển trong so sánh lực lượng và cho rằng : "Lực lượng của Pháp như mặt trời lúc hoàng hôn, hồng hắc lắm nhưng đã gần tắt nghỉ" còn "lực lượng của ta ngày càng thêm mạnh, như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiến...". Đối với đế quốc Mỹ, dù có quân đông, súng tốt, tiền nhiều, nhưng chúng có điểm yếu chí mạng là đi xâm lược, bị nhân dân thế giới và ngay cả nhân dân nước Mỹ phản đối, Đảng ta đã đánh giá đúng kẻ thù, đưa ra nhận định "Mỹ giàu nhưng không mạnh", đây là một tư duy chính xác, khoa học vượt trên mọi tư duy của thời đại trong thời điểm lịch sử. Từ những nhận định trên của Đảng ta, chiến lược quân sự Việt Nam đã tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân ta quyết tâm đánh Mỹ và biết thắng Mỹ.

+ *Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc*

Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc là một vấn đề mang tính nghệ thuật cao trong chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta, nhằm giành thắng lợi trọn vẹn nhất nhưng hạn chế tổn thất đến mức thấp nhất.

Mở đầu chiến tranh

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chúng ta mở đầu chiến tranh đều vào những thời điểm thoả mãn mọi điều kiện của hoàn cảnh lịch sử, do đó có sức lôi cuốn cuốn toàn dân tộc và có sức thuyết phục trên trường quốc tế mạnh mẽ. Trong kháng chiến chống Pháp, mở đầu chiến tranh vào ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, đây là thời điểm ta không thể lùi được nữa sau các hành động thiện chí nhằm ngăn ngừa, không để chiến tranh xảy ra...

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "... Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, giặc Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa...". Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta đã chọn đúng thời điểm sau năm 1960, chuyển từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, cách mạng miền Nam đã có bước trưởng thành, đây là thời điểm sau đồng khởi và không cho Mỹ tạo cơ phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc).

Trong kháng chiến chống Pháp, chúng ta chọn thời điểm sau khi giành thắng lợi ở chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong kháng chiến chống Mĩ, ta chọn thời điểm, kết thúc thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Tại các thời điểm đó, thế và lực cách mạng đều mạnh, có đủ điều kiện để quyết định kết thúc chiến tranh, tự quyết định vận mệnh của đất nước, mà không phụ thuộc vào những yếu tố tác động khách quan.

+ Phương châm tiến hành chiến tranh

Để chống lại chiến tranh xâm lược của những kẻ thù có sức mạnh hơn ta nhiều lần về kinh tế, quân sự, khoa học, công nghệ, Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện trên trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao..., trong đó, mặt trận quân sự giữ vai trò quyết định nhất. Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh với tinh thần "tự lực cánh sinh, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính", nhưng kháng chiến lâu dài không đồng nghĩa với kéo dài vô thời hạn, mà phải biết lựa chọn thời điểm có lợi nhất để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt.

+ Phương thức tiến hành chiến tranh

Cuộc chiến tranh chống quân xâm lược nước ta là chiến tranh cách mạng, chính nghĩa và tự vệ. Do đó, Đảng ta chỉ đạo : phương thức tiến hành chiến tranh là chiến tranh nhân dân kết hợp giữa địa phương với các binh đoàn chủ lực, kết hợp chặt chẽ tiến công địch bằng hai lực lượng chính trị, quân sự ; bằng ba mũi giáp công quân sự, chính trị, binh vận ; trên cả ba vùng chiến lược : rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, làm cho địch bị động, lúng túng trong đối phó, dẫn đến sai lầm về chiến lược, sa lầy về chiến thuật và thất bại.

Như vậy chiến lược quân sự Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ đã phát triển cao, giải quyết thành công nhiều vấn đề lí luận, thực tiễn chiến tranh, thực sự trở thành bộ phận chủ đạo của NTQS Việt Nam, góp phần quan trọng đưa hai cuộc kháng chiến của quân và dân ta đi đến thắng lợi.

b. Nghệ thuật chiến dịch

"Nghệ thuật chiến dịch, là lí luận và thực tiễn chuẩn bị, thực hành chiến dịch và các hoạt động tác chiến tương đương; bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự, khâu nối liền giữa chiến lược quân sự và chiến thuật."

Chiến dịch hình thành trong kháng chiến chống Pháp, được đánh dấu bằng chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông 1947. Trong kháng chiến chống Pháp, ta đã tiến hành hơn 40 chiến dịch ở các quy mô khác nhau là hơn 50 chiến dịch trong kháng chiến chống Mĩ. Sự hình thành chiến dịch và phát triển của nghệ

thuật chiến dịch, bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự Việt Nam là toàn diện, tập trung những vấn đề chủ yếu sau.

+ *Loại hình chiến dịch*

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, Quân đội nhân dân Việt Nam và các lực lượng vũ trang đã tổ chức và thực hành các loại hình chiến dịch :

Chiến dịch tiến công. Ví dụ : Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, chiến dịch tiến công Tây Nguyên, chiến dịch Hồ Chí Minh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.

Chiến dịch phản công. Ví dụ: chiến dịch phản công Việt Bắc năm 1947, chiến dịch phản công đường số 9 - Nam Lào năm 1971.

Chiến dịch phòng ngự. Ví dụ chiến dịch phòng ngự Quảng Trị năm 1972, phòng ngự cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng (Lào) năm 1972.

Chiến dịch phòng không, như chiến dịch phòng không Hà Nội 1972.

Chiến dịch tiến công tổng hợp, như chiến dịch tiến công tổng hợp Khu 8.

+ *Quy mô chiến dịch*

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, quy mô chiến dịch được phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, quy mô chiến dịch của ta còn rất nhỏ bé, lực lượng tham gia từ 1 đến 3 trung đoàn, vũ khí, trang bị chiến đấu thô sơ. Đến cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng tham gia đã lên tới 5 đại đoàn cùng nhiều lực lượng khác.

Trong kháng chiến chống Mĩ, giai đoạn đầu lực lượng chỉ có từ 1 đến 2 trung đoàn, sau đó phát triển đến sư đoàn. Đến cuối cuộc kháng chiến, đặc biệt là chiến dịch Hồ Chí Minh, lực lượng bộ binh là 5 quân đoàn và nhiều binh chủng, quân chủng khác, phối hợp chặt chẽ với nổi dậy của quần chúng. Trong hai cuộc kháng chiến, ở những giai đoạn đầu, các chiến dịch diễn ra chủ yếu ở địa hình rừng núi, nhưng giai đoạn cuối đã diễn ra trên tất cả địa hình để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

+ *Nghệ thuật chiến dịch là cách đánh chiến dịch*

Thời kì đầu, do so sánh lực lượng giữa ta và địch rất chênh lệch, bộ đội ta mới có kinh nghiệm chiến đấu những trận đánh đơn lẻ, chưa có kinh nghiệm tác chiến ở quy mô chiến dịch. Nhưng từ trong thực tiễn chiến tranh, trình độ chỉ huy và thực hành tác chiến của bộ đội ta đã ngày càng trưởng thành. Từ chiến dịch Việt Bắc 1947 đến chiến dịch Biên giới 1950 và đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ, nghệ thuật chiến dịch đã có bước phát triển vượt bậc như: Nghệ thuật lựa

chọn khu vực tác chiến chủ yếu, nghệ thuật chuẩn bị thế trận chiến dịch, nghệ thuật tập trung ưu thế lực lượng bảo đảm đánh chắc thắng trận mở màn chiến dịch, nghệ thuật xử trí chính xác các tình huống trong tác chiến chiến dịch...

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, nghệ thuật chiến dịch đã có bước phát triển vượt bậc, đó là: Xác định đúng phương châm tác chiến chiến dịch, việc thay đổi phương châm tác chiến từ "đánh nhanh, thắng nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc" thể hiện sự phân tích khoa học, khách quan tình hình địch, ta và địa hình. Xây dựng thế trận chiến dịch vững chắc, thực hiện bao vây rộng lớn, chia cắt và cô lập Điện Biên Phủ với các chiến trường khác. Phát huy cao nhất sức mạnh tác chiến hiệp đồng các binh chủng, tập trung ưu thế binh hỏa lực đánh dứt điểm từng trận then chốt, tiêu diệt từng bộ phận địch, phá vỡ từng mảng phòng ngự của chúng. Vận dụng sáng tạo cách đánh chiến dịch, dựa vào hệ thống trận địa, thực hành vây hãm kết hợp với đột phá, kết hợp đánh chính diện với các mũi thọc sâu, luồn sâu, tạo thế chia cắt địch ; kết hợp các đợt đánh lớn, đánh vừa và thường xuyên vây lấn, ngày càng siết chặt vòng vây, tạo thời cơ thực hành tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Trong kháng chiến chống Mỹ, nghệ thuật chiến dịch đã kế thừa những kinh nghiệm của kháng chiến chống Pháp và nâng lên một tầm cao mới. Nghệ thuật chiến dịch đã chỉ đạo chiến thuật đánh bại tất cả các chiến lược quân sự, biện pháp, thủ đoạn tác chiến của quân Mỹ, ngụy và chư hầu. Đặc biệt, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, nghệ thuật chiến dịch đã có bước phát triển nhảy vọt, được thể hiện ở các nội dung sau :

Nghệ thuật tạo ưu thế lực lượng, đảm bảo đánh địch trên thế mạnh, hình thành sức mạnh áp đảo địch trong chiến dịch. Nghệ thuật vận dụng sáng tạo cách đánh chiến dịch (vận dụng hai cách đánh lần lượt và đồng loạt). Nghệ thuật phát huy sức mạnh của các binh chủng, quân chủng trong tác chiến hiệp đồng quy mô lớn. Nghệ thuật kết hợp tiến công với nổi dậy, phối hợp tác chiến ba thứ quân, lấy đòn đánh lớn của chủ lực làm trung tâm phối hợp. Nghệ thuật chỉ đạo vận dụng chiến thuật sáng tạo để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến dịch. Nghệ thuật khuếch trương kết quả của trận then chốt trước với trận then chốt sau trong chiến dịch tiến công.

Như vậy cách đánh chiến dịch của ta là cách đánh chiến dịch của chiến tranh nhân dân phát triển cao, là vận dụng tổng hợp cách đánh của nhiều lực lượng, kết hợp nhiều phương thức, quy mô tác chiến (đánh du kích, đánh vận động, đánh trận địa, đánh phân tán và đánh tập trung hiệp đồng quan binh chủng) trong đó tác chiến hiệp đồng ngày càng giữ vai trò chủ yếu.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, chiến dịch đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do chiến lược vạch ra, tạo sự chuyển hoá chiến lược to lớn, góp phần quyết định giành thắng lợi trong chiến tranh. Các chiến dịch Điện Biên Phủ, Tây Nguyên, Huế- Đà Nẵng, Hồ Chí Minh... đã để lại nhiều kinh nghiệm quý giá, có thể vận dụng vào chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ngày nay và tương lai.

c. Chiến thuật

"Chiến thuật là lí luận và thực tiễn về tổ chức và thực hành trận chiến đấu của phân đội, binh đội, binh đoàn lực lượng vũ trang, bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự Việt Nam".

Chiến thuật hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta. Sự phát triển đó là kết quả của sự chỉ đạo chiến lược, chiến dịch, nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận chiến đấu của bộ đội ta trước một đối tượng địch, địa hình cụ thể. Nội dung của chiến lược được thể hiện :

+ *Vận dụng các hình thức chiến thuật vào các trận chiến đấu*

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, lực lượng, vũ khí, trang bị của ta còn hạn chế, do đó, tư tưởng tác chiến của bộ đội ta là "quán triệt tư tưởng tiến công, triệt để dùng du kích chiến, vận động chiến để tiêu diệt địch". Các trận chiến đấu ở giai đoạn này chủ yếu diễn ra ở quy mô trung đội, đại đội, tiểu đoàn, lấy đánh địch ngoài công sự là phổ biến. Chiến thuật thường vận dụng là tập kích, phục kích, vận động tiến công trong đó, phục kích có lợi hơn tập kích.

Các giai đoạn sau của hai cuộc kháng chiến, bộ đội ta đã trưởng thành, không những đánh giỏi vận động chiến (đánh địch ngoài công sự), mà từng bước vận dụng công kiên chiến (đánh địch trong công sự).

Giai đoạn cuối của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ do yêu cầu của chiến lược, chiến dịch, phải đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của địch để giữ vững vùng giải phóng, chiến thuật phòng ngự xuất hiện. Chiến thuật phòng ngự được vận dụng như phòng ngự đòi A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ, phòng ngự Quảng Trị năm 1972, phòng ngự Thượng Đức năm 1974... Ngoài ra, các đơn vị còn vận dụng các hình thức chiến thuật truy kích, đánh địch đổ bộ đường không, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

+ *Quy mô lực lượng tham gia trong các trận chiến đấu*

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến, lực lượng tham gia các trận chiến đấu chủ yếu trong biên chế và được tăng cường một số hỏa lực như như

súng cối 82mm, DKZ...Các giai đoạn sau, quy mô lực lượng tham gia các trận chiến đấu ngày càng lớn, đã có nhiều trận đánh hiệp đồng binh chủng giữa bộ binh, xe tăng, pháo binh, phòng không.... Hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ ngày càng nhiều.

+ Cách đánh

Là nội dung quan trọng nhất của lí luận chiến thuật. Mỗi binh chủng, mỗi hình thức chiến thuật đều có những cách đánh cụ thể, phù hợp với đối tượng và địa hình. Nội dung cách đánh trong từng hình thức chiến thuật phát triển từ cách đánh của lực lượng bộ binh là chủ yếu đến cách đánh hiệp đồng binh chủng. Cách đánh của ta thể hiện tính tích cực, chủ động tiến công, bám thắt lưng địch, chia địch ra mà đánh, trói địch lại mà diệt. Kết hợp chặt chẽ giữa hành động tiến công và phòng ngự của ba thứ quân để hoàn thành nhiệm vụ của cấp trên giao.

Như vậy trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến thuật, là một trong ba bộ phận hợp thành NTQS Việt Nam đã phát triển rất phong phú, đa dạng và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ do chiến lược, chiến dịch đặt ra, và đã để lại nhiều kinh nghiệm có giá trị to lớn thực tiễn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

III. VẬN DỤNG MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VÀO SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG THỜI KÌ MỚI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA SINH VIÊN

Nghệ thuật quân sự Việt Nam đã hình thành, phát triển trong quá trình dựng và giữ nước của dân tộc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nghệ thuật quân sự ngày càng phát triển, đó là nghệ thuật chiến tranh nhân dân, nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh...Những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vẫn còn giữ nguyên giá trị để chúng ta tiếp tục nghiên cứu và vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới.

1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công

Trong lịch sử chiến tranh giữ nước, nghệ thuật quân sự của cha ông ta trước đây luôn nhấn mạnh tư tưởng tích cực, chủ động tiến công địch. Ngày nay, với sức mạnh của cả nước đánh giặc dưới sự lãnh đạo của Đảng, nghệ thuật

quân sự của ta càng có điều kiện phát huy mặt mạnh của mình, khoét sâu chỗ yếu của địch để "kiên quyết không ngừng thế tiến công", tiến công địch vào đúng thời cơ, địa điểm thích hợp.

Ngày nay, kẻ thù của đất nước ta là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, có ưu thế về tiềm lực kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ mạnh, nhưng do tiến hành chiến tranh xâm lược, phi nghĩa, nên chúng sẽ bộc lộ nhiều sơ hở. Trên cơ sở đánh giá đúng mạnh, yếu của địch và ta, chúng ta phải biết phát huy sức mạnh của mọi lực lượng, vận dụng linh hoạt mọi hình thức và quy mô tác chiến, mọi cách đánh, mới có thể tiến công địch một cách liên tục mọi lúc, mọi nơi. Không chỉ tiến công trên mặt trận quân sự, mà phải tiến công toàn diện trên mọi mặt trận, đặc biệt là mặt trận chính trị, binh vận, thực hiện "mưu phạt công tâm", đánh vào lòng người, góp phần thay đổi cục diện chiến tranh.

Như vậy, trên cơ sở không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy lòng dũng cảm, trí thông minh sáng tạo giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa con người và vũ khí, nắm vững tư tưởng tích cực tiến công, chúng ta hoàn toàn có thể giành quyền chủ động trên chiến trường và kết thúc chiến tranh trong điều kiện có lợi nhất.

2. Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc

Đây là sự kế thừa và phát huy lên một trình độ mới từ nghệ thuật quân sự truyền thống của dân tộc. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nghệ thuật quân sự chỉ đạo mọi hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang và nhân dân. Đó là một nguyên tắc trong nghệ thuật quân sự của toàn dân đánh giặc. Nguyên tắc đó phải được thể hiện cụ thể trong việc xác định phương hướng, mục tiêu, đối tượng và thời cơ tiến công...trong kế hoạch chiến lược, chiến dịch, cũng như từng trận đánh cụ thể.

Trong hoạt động tác chiến của các lực lượng vũ trang, kết hợp đánh phân tán với đánh tập trung, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa và đánh lớn. Mỗi lực lượng, mỗi thứ quân đều có vị trí tác dụng và có những quy luật hoạt động riêng. Vì vậy, cần phải phối hợp tác chiến của các lực lượng, các thứ quân cả về chiến lược cũng như trong chiến dịch và chiến đấu. Có kết hợp đánh phân tán, rộng khắp của lực lượng vũ trang địa phương với đánh tập trung của lực lượng cơ động, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn mới phát huy được uy lực của mọi vũ khí từ thô sơ đến hiện đại, làm cho binh lực của địch bị phân tán, dần mỏng, khiến cho chúng đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu và luôn bị động đối phó ; trên cơ sở đó, thực hiện những đòn đánh quyết định, tạo sự thay đổi trên chiến trường có lợi cho ta.

3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời, mưu

Trong đấu tranh vũ trang, trước một đối tượng có sức mạnh vượt trội về quân sự, khoa học công nghệ phải biết kết hợp chặt chẽ các yếu tố: lực lượng, thế trận, thời cơ và mưu trí, sáng tạo. Dùng lực phải dựa vào thế có lợi, dùng đúng nơi, đúng lúc mới đạt hiệu quả cao, lực nhỏ hoá lớn, yếu hoá mạnh. Tạo thế, tạo lực để sẵn sàng đánh địch khi thời cơ có lợi nhất. Đặt thế, lực vào đúng thời cơ có lợi thì "sức dùng một nửa mà công được gấp đôi". Muốn đánh thắng, còn phải dùng mưu kế, hạn chế cái mạnh của địch, phát huy cái mạnh của ta. Luôn chú ý lừa địch và giữ bí mật, bất ngờ. Đánh bất ngờ, tạo hiệu quả diệt địch, nhất là trong điều kiện lực lượng quân sự địch mạnh, có vũ khí công nghệ cao.

Nghệ thuật quân sự của ta còn phải biết đánh giá đúng và triệt để khai thác các yếu tố "thiên thời, địa lợi, nhân hoà". Đó là nghệ thuật nắm bắt và phát huy sức mạnh của thời đại, phát huy tiềm năng, thế mạnh của đất nước, con người Việt Nam, trong đó, cần đặc biệt chú trọng "nhân hoà". Chỉ có kết hợp chặt chẽ lực, thế, thời, mưu và các yếu tố khác, ta mới có thể tạo ra sức mạnh tổng hợp, đánh thắng kẻ thù có kinh tế, quân sự mạnh khi chúng liều lĩnh xâm lược nước ta.

4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, ông cha ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược lớn hơn nhiều lần. Đứng trước thực tế đó, ông cha ta đã sáng tạo ra nghệ thuật "lấy ít địch nhiều", nhưng biết tập trung ưu thế lực lượng trong những thời điểm quan trọng để đánh thắng quân xâm lược. Ngày nay, vận dụng tư tưởng lấy ít đánh nhiều, ta phải phải phát huy được khả năng đánh giặc của toàn dân, của cả ba thứ quân, tạo ra sức mạnh tổng hợp hơn địch để đánh thắng địch trong mọi tình thế. Mặt khác, phải tận dụng địa hình, tận dụng được yếu tố bí mật, bất ngờ, tiết kiệm được lực lượng để đánh lâu dài, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu

Từng trận đánh, từng chiến dịch có mục đích cụ thể khác nhau, nhưng mục đích chung nhất của mọi hoạt động tác chiến trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là tiêu diệt lực lượng địch phải đi đôi với bảo vệ vững chắc mục tiêu. Muốn giành thắng lợi triệt để trong chiến tranh, chúng ta phải kết hợp đánh tiêu hao với đánh tiêu diệt lớn quân địch. Đánh tiêu hao rộng rãi bằng đánh nhỏ, đánh vừa của chiến tranh nhân dân địa phương sẽ tạo điều kiện cho tác chiến tập trung của chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực, thực hiện đánh lớn, tiêu diệt

lớn quân địch. Đòi hỏi với tiêu hao, tiêu diệt lực lượng của địch, phải bảo vệ vững chắc mục tiêu của ta, là vấn đề có tính quy luật của ta trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

6. Trách nhiệm của sinh viên

Nghiên cứu nghệ thuật quân sự của các thế hệ ông cha, chúng ta có quyền tự hào về tinh thần dũng cảm, ý chí kiên cường trong chống giặc ngoại xâm để bảo vệ sự tồn vong của đất nước. Ngày nay, đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nhưng kẻ thù còn đó, chúng đang tìm mọi thủ đoạn để xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Do vậy, trách nhiệm của sinh viên rất nặng nề đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước hết, mỗi sinh viên cần phát huy tinh thần tự lực, vượt quan khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập, đặc biệt là không ngừng bồi đắp lòng yêu quê hương, đất nước. Mặt khác, phải phấn đấu, tu dưỡng để trở thành những công dân tốt, sẵn sàng làm nhiệm vụ khi Tổ quốc cần.

KẾT LUẬN

NTQS Việt Nam hình thành, phát triển, gắn liền với các yếu tố địa lí, kinh tế, chính trị xã hội. Từ khi có Đảng lãnh đạo NTQS Việt Nam phát triển dựa trên nền tảng lí luận quân sự Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tinh hoa truyền thống Quân sự dân tộc.

Nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên được hình thành và phát triển qua các tư tưởng, kế sách đánh giặc, nghệ thuật chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh và sự phối hợp giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, binh vận trong khởi nghĩa và chiến tranh đã góp phần đánh bại các thế lực xâm lược, bảo vệ non sông bờ cõi, tổ tiên giống nòi.

Từ khi có Đảng lãnh đạo NTQS Việt Nam đã kế thừa Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của tổ tiên và đã không ngừng phát triển, góp phần quyết định giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

Nghiên cứu , học tập NTQS Việt Nam, chúng ta tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc. Mỗi người chúng ta, nhất là thế hệ trẻ, phải nhận rõ trách nhiệm để luôn giữ gìn, kế thừa và phát triển truyền thống đó, hoàn thành mọi nhiệm vụ góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.